TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **269**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18/11/2021
V/v *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhàn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh – CB hưu trí
Bà Thiều Thị Phi Loan – CB hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1240/2021/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 05 năm 2021, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 251/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/11/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1995
Địa chỉ: 48/4, khu phố 10, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai
- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1994.
Địa chỉ: 9/80, khu phố 12, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
(Bà T và ông C đều có đơn xin xét xử xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đức C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B vào năm 2017. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến gia đình luôn căng thẳng. Cả hai đã nhiều lần cố gắng khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn hạnh phúc nhưng vẫn không có kết quả. Đến nay, nhận thấy tình cảm thật sự không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được, nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Nguyễn Đức C.

Về con chung: Quá trình chung sống, hai người có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo Đ, sinh ngày 15/11/2018. Ly hôn bà đồng ý giao cháu Đ cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc. Tạm thời, bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà T khai không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn ông Nguyễn Đức C trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải**: Ông đồng ý với lời khai của bà T về quá trình hai người tìm hiểu và đi đến kết hôn. Ông thừa nhận trong quá trình chung sống giữa hai ông bà có xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng thường xảy ra xích mích với nhau, do bà T ham chơi không chăm lo gì cho con nên ông nóng giận có đánh bà T. Tuy nhiên, ông còn thương vợ, thương con nên bà T xin ly hôn, ông không đồng ý.

Nếu trường hợp bà T kiên quyết ly hôn:

Về con chung: Ông xác định, quá trình chung sống, hai người có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo Đ, sinh ngày 15/11/2018. Ly hôn, ông xin là người trực tiếp được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Đ. Ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B:

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Điều 9, Điều 19; Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Trần Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Đức C, bởi giữa hai người đã không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Tòa án cũng đã hòa giải đoàn tụ cho hai bên, nhưng bà T vẫn nhất quyết ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà T và ông C giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo Đ, sinh ngày 15/11/2018 cho ông Nguyễn Đức C nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì không trực tiếp nuôi con nên bà T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: các bên không yêu cầu giải quyết. Do đó, không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bà Trần Thị Thanh T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Bà Trần Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đức C; Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn". Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà T là nguyên đơn còn ông C là bị đơn trong vụ án.

- Ông Nguyễn Đức C xác định hiện nay ông đang cư trú tại số nhà: 9/80, khu phố 12, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Tòa án đã nhiều lần tống đạt giấy triệu tập, thông báo thụ lý cho ông C, ông C nhận được, ông C có lên Tòa án làm việc. Sau đó, ông có đơn xin vắng mặt tại buổi tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm. Ngoài ra, bà T cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B. Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt bà T và ông C.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà T và ông Nguyễn Đức C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B vào năm 2017. Quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân thời gian đầu bình thường, sau đó giữa hai vợ chồng luôn phát sinh rất nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Bà T và ông C đã nhiều lần cố gắng khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn hạnh phúc nhưng vẫn không có kết quả. Đến nay, nhận thấy tình cảm thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T làm đơn xin được ly hôn với ông Nguyễn Đức C. Xét yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận vì theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng chăm sóc nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng trong đời sống chung vợ chồng thì cả bà T và ông C trong quá trình chung sống thường phát sinh mâu thuẫn, việc này cũng được ông C thừa nhận trong bản tự khai cung cấp cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ, nhưng bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn. Từ đó, nhận thấy, cuộc sống hôn nhân của bà T và ông C không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Trần Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Đức C.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống, hai người có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo Đ, sinh ngày 15/11/2018. Ly hôn bà T đồng ý giao cho ông Nguyễn Đức C nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Bà không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, ông C cũng có nguyện vọng xin nuôi dưỡng cháu Đ và bà T cũng

đồng ý. Do đó, cần thiết áp dụng các Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Ghi nhận sự thỏa thuận của bà T và ông C giao cháu Đ cho ông C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; Tạm thời, bà T không phải cấp dưỡng cho con do ông C không yêu cầu.

Vì không trực tiếp nuôi con nên bà T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung: Bà T và ông C khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trần Thị Thanh T phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0001359 ngày 17/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố B. Bà T đã nộp xong phần án phí HNGĐ sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227; Điều 228, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 19; Điều 53, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Đức C.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo Đ, sinh ngày 15/11/2018 cho ông Nguyễn Đức C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, bà Trần Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp nuôi con, nên bà T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trần Thị Thanh T phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0001359 ngày

17/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố B. Bà T đã nộp xong phần án phí HNGĐ sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Đức C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP.B;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

Nguyễn Trần Nhàn

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 30/7/2018,
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Diễn.
Bà Trương Thị Thìn.

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 697/2018/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2018, về việc "Tranh chấp ly hôn", giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Nghiên, sinh năm 1979
Địa chỉ: 197/23A/4E, tổ 39A, khu phố 11A, phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.
- Bị đơn: Anh Đỗ Văn Tạc, sinh năm 1972
Địa chỉ: 197/23A/4E, tổ 39A, khu phố 11A, phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.

(Chị Nghiên có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Tạc vắng mặt không có lý do))

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Về tố tụng:

- Ý kiến của Hội thẩm Thìn: Chị Đỗ Thị Nghiên nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với Anh Đỗ Văn Tạc, sinh năm 1972; Địa chỉ: 197/23A/4E, tổ 39A, khu phố 11A, phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đỗ Văn Tạc nhưng anh Tạc vẫn vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ; hòa giải và tham gia phiên tòa; ngày 27/07/2018, chị Đỗ Thị Nghiên có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt chị Nghiên và anh Tạc.
- Ý kiến của Hội thẩm Diễn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Thìn.
- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về quan hệ hôn nhân:

- Ý kiến của Hội thẩm Diễn: Chị Đỗ Thị Nghiên và anh Đỗ Văn Tạc tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 1998 tại UBND xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 03 người con. Nhưng từ năm 2011, giữa hai người phát sinh mâu thuẫn bắt nguồn từ chuyện tình cảm và kinh tế, dẫn đến thường xuyên cãi vã, xung đột lẫn nhau, cả hai không còn tôn trọng nhau. Bản thân anh Tạc nhiều lần nhục mạ chị Nghiên và gia đình chị, đe dọa chị về tinh thần, chị cũng đã nhiều lần tha thứ để níu kéo cuộc sống hôn nhân, nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Nghiên làm đơn xin được ly hôn với anh Tạc. Xét thấy, theo biên bản xác minh ngày 11/05/2018, địa phương nơi chị Nghiên và anh Tạc sinh sống đã xác nhận anh, chị trong quá trình chung sống thường xuyên cải vã, mâu thuẫn, xô xát với nhau, gia đình sống không hòa thuận. Như vậy, trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng là có thật, chị Nghiên cũng xác định hiện nay không còn tình cảm với anh Tạc, nên mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn. Do vậy, việc chị Nghiên xin ly hôn với anh Tạc là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Ý kiến của Hội thẩm Thìn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Diễn.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về con chung:

- Ý kiến của Hội thẩm Thìn: có 03 con chung là cháu:

Đỗ Lan Anh, sinh ngày 25/06/2000.

Đỗ Hồng Anh, sinh ngày 26/04/2002.

Đỗ Kim Anh, sinh ngày 06/12/2011.

Sau khi ly hôn chị Nghiên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con. Không yêu cầu anh Tạc phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu này của chị Nghiên là chính đáng, bởi lẽ hiện nay các cháu Đỗ Lan Anh; Đỗ Hồng Anh và Đỗ Kim Anh đang sống cùng với chị Nghiên và do chị Nghiên trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các cháu cũng tự nguyện muốn được ở với mẹ, nên được chấp nhận. Sau khi ly hôn Chị Nghiên và anh Tạc vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh Tạc có quyền thăm nom con; không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Ý kiến của Hội thẩm Diễn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Thìn.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về tài sản chung và nợ chung:

- Ý kiến của Hội thẩm Thìn: Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn, chị Nghiên xác định về tài sản chung các bên tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh Tạc vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của anh Tạc nên được giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

- Ý kiến của Hội thẩm Diễn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Thìn.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về án phí:

- Ý kiến của Hội thẩm Diễn: Chị Đỗ Thị Nghiên phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Ý kiến của Hội thẩm Thìn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Diễn.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về quyền kháng cáo:

- Ý kiến của Hội thẩm Diễn: Chị Nghiên và anh Tạc có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

- Ý kiến của Hội thẩm Thìn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Diễn.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 30 tháng 7 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thìn Nguyễn Trung Diễn Đồng Thị Hồng

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP.Biên Hòa;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

Đồng Thị Hồng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**